

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2023/DS-ST

Ngày: 19/5/2023

“Về việc kiện đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Điều Nhót và bà Hồ Thị Thu Uyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lâm Oanh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song tham gia phiên tòa:

Ông Đỗ Ngọc Hà, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 340/2022/TLST-DS ngày 19/12/2022 về việc “Kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2023/QĐST-DS ngày 20/4/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T – sinh năm 1959. Địa chỉ: Thôn 01, xã Trường X, huyện Đăk S, tỉnh Đăk Nông – vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Ông Phạm Quốc H – sinh năm 1986. Địa chỉ: Tổ dân phố 03, thị trấn Đức A, huyện Đăk S, tỉnh Đăk Nông – có mặt.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị T1 – sinh năm 1967. Địa chỉ: Bon Ta M, xã Trường X, huyện Đăk S, tỉnh Đăk Nông – vắng mặt.

3. Người làm chứng: Bà Phạm Thị Mộng T2 – sinh năm 1978. Địa chỉ: Bon Băng S, xã Trường X, huyện Đăk S, tỉnh Đăk Nông – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện nộp đến Tòa án ngày 07/12/2022 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Trong khoảng từ năm 2017 đến năm 2018 nhiều lần bà Trần Thị T1 có mua hàng hóa gạo, bắp, cám của bà Nguyễn Thị T với số tiền nợ 41.500.000 đồng. Ngoài ra, cũng khoảng năm 2018 bà T1 còn vay của bà T số tiền 78.500.000 đồng, tại nhà bà T tại Thôn 01, xã Trường X, huyện Đăk S, tỉnh Đăk Nông. Vì là chỗ bạn bè chơi với nhau tin tưởng nên khi mua hàng và vay tiền bà T1 đều được ký vào một quyển sổ chót nợ nhưng năm 2022 gia đình bà T bị trộm vào nhà lấy mất.

Một thời gian sau, bà T1 có thỏa thuận gửi bà T mang một cái nồi nấu bún về bán hộ với giá là 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng). Sau đó bà T trao đổi lại với bà T1 có khách chỉ mua với giá 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) thì bà T1 không đồng ý nên hiện giờ cái nồi nấu bún vẫn đang được bà T sử dụng.

Cuối năm 2021 bà Trần Thị T1 gọi cho bà T lên Toà án nhân dân huyện Đắk Song và nói bà L (là chủ nhà bà T1 thuê nhà) đang khởi kiện bà T1 tại Toà án nhân dân huyện Đắk Song để đòi nợ. Do bà T1 đang nợ tiền bà T nên bà T1 yêu cầu bà T đến Toà án nhân dân huyện Đắk Song để làm hồ sơ khởi kiện bà T1 đồng thời hai bên ký giấy xác nhận nợ thể hiện nội dung ngày 17/02/2018 bà Trần Thị T1 có nợ bà Nguyễn Thị T số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng), hẹn tháng 6 năm 2018 sẽ trả nợ cho nguyên đơn, có sự chứng kiến của bà Phạm Thị Mộng T2.

Sau đó bà T khởi kiện bà T1 đòi nợ số tiền trên. Tuy nhiên, đến khoảng tháng 02/2022 thì bà T1 xuống nhà bà T, để thỏa thuận rút đơn khởi kiện tại Toà án để bà T1 thực hiện việc ly hôn với chồng, bán đất và hứa sẽ trả tiền nợ trên cho bà T nên bà T đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, bà T1 bán nhiều lô đất, trốn tránh trách nhiệm trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện bà T1 ra Tòa án buộc bà Trần Thị T1 trả lại cho nguyên đơn số tiền còn nợ. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 6.500.000 đồng và giá trị chiếc nồi nấu bún mà bà T đang sử dụng trị giá 11.000.000 đồng. Nguyên đơn chỉ đòi bà Trần Thị T1 phải trả số tiền 102.500.000 đồng còn nợ và không yêu cầu tính lãi suất. Nguyên đơn không yêu cầu chồng bà Trần Thị T1 phải có nghĩa vụ trả nợ.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Thị T1 trình bày:***

Bà T1 không đồng ý với nội dung trình bày của nguyên đơn về việc mua hàng hóa và vay tiền. Bà T1 thừa nhận vào khoảng năm 2017-2018 bà có mua hàng của bà T nhiều lần với số tiền lần đầu khoảng hơn 10.000.000 đồng, sau đó mua nhiều lần và có ghi trong sổ nợ là 27.000.000 đồng, sổ này bà T giữ. Năm 2018 bà T có lấy 01 nồi nấu bún với giá 11.000.000 đồng. Bà T1 chỉ thừa nhận hiện nay bà còn nợ bà T số tiền 16.000.000 đồng. Bà T1 cho rằng lý do có giấy nhận nợ lập ngày 17/02/2018 thể hiện bà T1 nợ bà T số tiền 120.000.000 đồng là vì: Do là chỗ bạn bè thân quen nên vào khoảng năm 2021 do bị bà khởi kiện đòi nợ, đồng thời bị TAND huyện Đắk Song áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời ngăn chặn chuyển nhượng thửa đất của bà T1. Do đó, bà T1 có nhờ bà T lên Tòa án lập giấy nhận nợ không để bà T1 ký vào nhằm mục đích nhờ bà T khởi kiện giúp, khi bà T được xử lý tài sản thì được chia lại phần cho bà T1, chứ thực tế bà T1 không mua hàng và vay số tiền nêu trên. Tại Tòa án (không nhớ cụ thể ngày tháng) nhưng vào cuối năm 2021, khi hai bên lập giấy vay tiền có sự chứng kiến của bà Phạm Thị Mộng T2. Bà T1 thừa nhận giấy vay tiền lập ngày 17/02/2018 đúng là chữ ký của bà.

Hiện nay bị đơn và chồng là ông Vũ Duy L đã ly hôn từ năm 2019, bà T1 cho rằng mình không nợ tiền nguyên đơn nên không đồng ý trả.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án người làm chứng bà Phạm Thị Mộng T2 trình bày:***

Vào khoảng cuối năm 2021 đầu năm 2022, bà Phạm Thị Mộng T2 có chở bà Nguyễn Thị T đến Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Song và có thấy bà Nguyễn Thị T và bà Trần Thị T1 viết giấy tờ với nhau nhưng không biết về nội dung gì.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và sự tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn, bị đơn trong vụ án:***

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Đã thực hiện hoạt động tố tụng đầy đủ từ quá trình thụ lý, lập hồ sơ vụ án; Xác định đúng quan hệ tranh

chấp giữa các bên; Tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ; Thẩm phán đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục, trình tự xét xử. Hội đồng xét xử đúng thành phần, không có trường hợp nào phải thay đổi người tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử đã hỏi và tranh luận tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng đã chấp hành đầy đủ các quy định, quyền và nghĩa vụ của mình. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 105; Điều 166; Điều 194; Điều 271; Điều 244; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 357; các Điều 430, 440, Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 6.500.000 đồng và giá trị chiếc nồi nấu bún mà bà T đang sử dụng trị giá 11.000.000 đồng do nguyên đơn xin rút. Buộc bà Trần Thị T1 phải trả số tiền 102.500.000 đồng còn nợ cho nguyên đơn. Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu tính lãi suất nên không xem xét. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý về án phí, quyền kháng cáo.

Ý kiến khắc phục khác: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện đòi bà Trần Thị T1, địa chỉ: Bon Ta M, xã Trường X, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông trả số tiền còn nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” và “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”, nay cần xác định lại là “*Kiên đòi tài sản*”, được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS). Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2]. Xét nội dung tranh chấp:

[2.1]. Về số nợ và nghĩa vụ thanh toán:

Xét giấy vay tiền lập ngày 17/02/2018, thời hạn thỏa thuận trả nợ là tháng 6 năm 2018 do bị đơn ký nhận thể hiện bị đơn có nợ nguyên đơn số tiền 120.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận tại thời điểm lập giấy vay tiền hai bên đều tự nguyện lập, không bị ai ép buộc, giấy tờ này là có thực nên tình tiết này không phải chứng minh.

Tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định:

“1. Những tình tiết, sự kiện sau đây không phải chứng minh:

a) *Những tình tiết, sự kiện rõ ràng mà mọi người đều biết và được Tòa án thừa nhận...*”.

Tại Điều 116 của Bộ luật dân sự quy định: “*Giao dịch dân sự là hợp đồng hoặc hành vi pháp lý đơn phương làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự*”.

Tại Điều 119 của Bộ luật dân sự quy định: “*Giao dịch dân sự được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể*”.

Xét lời trình bày của các đương sự, người làm chứng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì trong thời gian quen biết nhau từ năm 2017 đến năm 2018. Bà Trần Thị T1 nhiều lần có đến mua hàng hóa là gạo, cám, bắp của nguyên đơn Nguyễn Thị T và nợ số tiền 41.500.000 đồng. Đồng thời, cũng trong thời gian từ năm 2017 đến năm 2018 nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 78.500.000 đồng, (trong đó có 6.500.000 đồng là tiền lãi), tại nhà bà T tại Thôn 01, xã Trường X, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông. Số tiền nợ này được nguyên đơn ghi trong sổ nợ, tuy nhiên quyển sổ này đã bị mất. Cả hai bên đương sự đều thừa nhận vào khoảng cuối năm 2021, đầu năm 2022 bị đơn Trần Thị T1 gọi nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đến TAND huyện Đắk Song thống nhất nợ, bà T1 đã tự nguyện ký vào giấy nhận nợ ghi ngược thời gian ngày bà T1 nợ bà T là ngày 17/02/2018 số tiền 120.000.000 đồng. Tại thời điểm bị đơn Trần Thị T1 ký vào giấy nhận nợ, bà hoàn toàn có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, việc ký vào giấy nhận nợ là tự nguyện không bị ai ép buộc. Vì vậy, bị đơn phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn bà Trần Thị T1 là có căn cứ, cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 120.000.000 đồng mới bảo đảm bảo quyền lợi cho đương sự. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 11.000.000 đồng (trị giá nồi nấu bún) và số tiền 6.500.000 đồng nợ lãi trong phần nợ gốc. Xét thấy việc rút phần yêu cầu này là có căn cứ, cần chấp nhận, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ lại là 102.500.000 đồng.

[2.2]. Xét lời trình bày của bị đơn bà T1 thừa nhận khoảng năm 2027-2018 bà có mua hàng của bà T nhiều lần với số tiền lần đầu khoảng hơn 10.000.000 đồng, sau đó mua nhiều lần và có ghi trong sổ nợ là 27.000.000 đồng, sổ này bà T giữ. Năm 2018 bà T có lấy 01 nồi nấu bún với giá 11.000.000 đồng. Bà T1 thừa nhận còn nợ bà T số tiền 16.000.000 đồng. Bà T1 cho rằng lý do lại có giấy nhận nợ ghi ngày 17/02/2018 thể hiện bà T1 nợ bà T số tiền 120.000.000 đồng là vì: Vào khoảng năm 2021 do bị bà L khởi kiện đòi nợ, đồng thời bị TAND huyện Đắk Song áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời ngăn chặn chuyển nhượng thửa đất của bà T1. Do đó, bà T1 có nhờ bà T lên Tòa án lập giấy nhận nợ không để bà T1 ký vào nhằm mục đích nhờ bà khởi kiện dùm, khi bà T được xử lý tài sản thì được chia lại phần cho bà T1, chứ thực tế bà T1 không mua hàng và vay số tiền nêu trên. Bà T1 thừa nhận chữ ký trong giấy vay tiền ghi ngày 17/02/2018 được lập tại Tòa án vào cuối năm 2021, đầu năm 2022 là chữ ký của bà và do bà tự nguyện ký nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án TAND huyện Đắk Song tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn. Tuy nhiên, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Theo khoản 4 Điều 91 của Bộ Luật tố tụng Dân sự quy định: “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có*

trong hồ sơ vụ việc”. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không chứng minh được việc mình ký vào giấy nhận tiền là bị ép buộc, cũng không chứng minh được là mình không nợ nguyên đơn. Vì vậy, bị đơn phải chịu trách nhiệm đối với hành vi của mình.

[3]. Đối với số tiền lãi nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét.

[4]. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu ông Vũ Duy L phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Vũ Duy L cho biết ông và bà Trần Thị T1 đã ly thân từ năm 2015, sau đó được TAND huyện Đắk Song giải quyết cho ly hôn từ năm 2019. Đối với khoản nợ của bà T1 với và bà T, ông L không được biết, không được sử dụng chung, cũng như không liên quan đến số nợ này. Vì vậy, Hội đồng xét xử không buộc ông L phải có nghĩa vụ trả nợ liên đới.

[5]. Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song là phù hợp nên chấp nhận.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T được chấp nhận, bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật là $102.500.000 \text{ đồng} \times 5\% = 5.125.000 \text{ đồng}$.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền nộp tạm ứng án phí đã nộp là 6.000.000 đồng theo biên lai số 0001819 ngày 16/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 105; Điều 166; Điều 194; Điều 271; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 244; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 357; Điều 430; Điều 440; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện do nguyên đơn rút đối với số tiền 17.500.000 đồng (Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Buộc bà Trần Thị T1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 102.500.000 đồng (Một trăm lẻ hai triệu năm trăm nghìn đồng).

(Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015).

2. Về án phí: Buộc bà Trần Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật là 5.125.000 đồng (Năm triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền nộp tạm ứng án phí đã nộp là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) theo biên lai số 0001819 ngày 16/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đắk Song;
- Các đương sự;
- Người làm chứng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Thanh Tâm